

Số: 12/2025/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 386/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2026, năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan khác cấp thành phố; các xã, phường và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và các cơ quan khác cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc

a) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương.

b) Định mức phân bổ chi thường xuyên thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách các cấp; đồng thời là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho 02 cấp ngân sách: Ngân sách cấp thành phố, và ngân sách xã, phường (cấp xã).

c) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền để đảm bảo cho các cấp, các ngành chủ động trong điều hành và tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

d) Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo chi trả đủ lương và các khoản có tính chất lương, sau đó mới đến nhiệm vụ chi thường xuyên khác.

Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

e) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành.

2. Tiêu chí

a) Tiêu chí dân số: Xác định theo số liệu dân số năm 2025 do Thống kê thành phố cung cấp.

b) Tiêu chí biên chế:

- Từng cấp ngân sách: Áp dụng theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Từng đơn vị dự toán: được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Tiêu chí khác:

- Phân bổ dự toán theo số Trung ương giao, theo tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách.

- Phân bổ dự toán theo nhiệm vụ được giao và đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Phân bổ dự toán theo số lượng của đề án vị trí việc làm được phê duyệt; theo khoảng cách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan; do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi).

- Các xã, phường không thành lập/có thành lập Trung tâm Chính trị.

Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026

Quy định cụ thể tại phụ lục I, II đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban

hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

- Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT. ✓

CHỦ TỊCH



Đông Văn Thanh



Phụ lục I

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2026 - CẤP THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-IHDND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Chi sự nghiệp giáo dục		
	- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương		Tương đương 81% tổng chi sự nghiệp giáo dục
	- Chi hoạt động:		Tương đương 19% tổng chi sự nghiệp giáo dục
2	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách;
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		Phân bổ cho y tế dự phòng, y tế cơ sở đạt tối thiểu 30% dự toán chi sự nghiệp y tế.
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách.
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		Giao nhiệm vụ và đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách.
7	Chi cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập		
7.1	Đối với cán bộ công chức, viên chức trong biên chế		
7.1.1	Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương		Tiêu chí phân bổ: Được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định
7.1.2	Chi hoạt động		Tiêu chí phân bổ: Được xác định trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao
	- Văn phòng Thành ủy, Các Ban Đảng, Đảng ủy UBND thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân TP, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	triệu đồng/ biên chế/năm	57
	- Các sở và tương đương		
	Đơn vị dưới 21 biên chế :	triệu đồng/ biên chế/năm	53
	Đơn vị từ 21 đến 40 biên chế :	triệu đồng/ biên chế/năm	51
	Đơn vị trên 40 biên chế :	triệu đồng/ biên chế/năm	50
	Các Chi cục và tương đương	triệu đồng/ biên chế/năm	47

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	Các đơn vị sự nghiệp công lập		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với đơn vị nhóm 4, căn cứ vào quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền và các khoản thu của đơn vị để xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ theo quy định về cơ chế tự chủ.
7.2	Đối với nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	triệu đồng/ người/năm	
7.2.1	Chi tiền công lao động hợp đồng		theo mức tiền công thực tế (theo quy định) và số lượng theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt
7.2.2	Chi hoạt động	triệu đồng/ người/năm	20
8	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:		Căn cứ dự toán chi sự nghiệp khoa học - công nghệ hàng năm của thành phố được Trung ương giao, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đề xuất phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học và công nghệ của cấp thành phố và cấp xã, gửi Sở Tài chính tổng hợp phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm, trình Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
9	Các sự nghiệp và các khoản chi còn lại (Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp môi trường, chi quốc phòng, an ninh và chi đảm bảo xã hội):		Được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách. Thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với đơn vị nhóm 4, căn cứ vào quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền và các khoản thu của đơn vị để xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ theo quy định về cơ chế tự chủ.
10	Các tổ chức xã hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ		Không tính định mức cụ thể, bổ sung kinh phí theo nhiệm vụ được giao.



Phụ lục II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 - CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Chi sự nghiệp giáo dục		
	Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương		Tương đương 81% tổng chi sự nghiệp giáo dục
1.1	Chi hoạt động Định mức nêu trên đảm bảo chi cho toàn bộ hoạt động thường xuyên, nghiệp vụ chuyên môn; kinh phí chi trả cho hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; chi mua sắm dụng cụ dạy học, sửa chữa thường xuyên, triển khai các chương trình tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, chi cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng... và khen thưởng.		Tương đương 19% tổng chi sự nghiệp giáo dục
1.2	Kinh phí đảm bảo các chế độ, chính sách: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách giáo dục khác theo quy định (nếu có) được cấp thẩm quyền ban hành tính đến ngày 01/09/2025.		Phân bổ dự toán theo nhu cầu thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định)
2	Chi sự nghiệp đào tạo		
	- Đối với các xã, phường không có thành lập Trung tâm Chính trị	triệu đồng/năm	900
	- Đối với xã, phường có thành lập Trung tâm Chính trị	triệu đồng/năm	1.000
3	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin		
3.1	Phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	20.000
3.2	Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Phân bổ chi hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin đối với các xã, phường, có nhà văn hóa thiếu nhi theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	7.000
4	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		
	Phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình (truyền thanh) đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	10.000
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
	Phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm.	10.000
6	Chi bảo đảm xã hội		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
6.1	Phân bổ chi sự nghiệp đảo bảo xã hội đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	25.000
6.2	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội và các chính sách bảo trợ xã hội khác của địa phương theo quy định của pháp luật.		Phân bổ dự toán theo nhu cầu thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định)
7	Chi hoạt động quốc phòng		
7.1	Phân bổ chi hoạt động quốc phòng (bao gồm quân sự, bộ đội biên phòng) đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	50.000
7.2	Kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo Luật Dân quân tự vệ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)		Phân bổ dự toán theo nhu cầu thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.
8	Chi hoạt động an ninh, trật tự, an toàn xã hội		
8.1	Phân bổ chi hoạt động an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với các xã, phường theo định mức theo tiêu chí dân số	đồng/người dân/năm	20.000
8.2	Kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương quản lý theo quy định của cấp có thẩm quyền và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)		Phân bổ dự toán theo nhu cầu thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.
9	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:		
	Căn cứ chỉ tiêu được Bộ Tài chính phân bổ cho ngân sách địa phương; Trên cơ sở nhu cầu nhiệm vụ chi của các xã, phường và khả năng cân đối của ngân sách địa phương để xác định số phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho xã, phường thực hiện.		
10	Chi quản lý hành chính		
10.1	Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương đối với số biên chế được giao tính theo quy định hiện hành. Đối với số biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
10.2	Chi hoạt động thường xuyên:		
-	Văn phòng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	triệu đồng/ biên chế/năm	55
-	Các phòng, ban	triệu đồng/ biên chế/năm	50
-	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân	triệu đồng/ biên chế/năm	45
	Định mức kinh phí hoạt động nêu trên đã bao gồm: - Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,... - Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư;.... - Kinh phí sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.		
10.3	Đối với hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ		
	Chi tiền công lao động hợp đồng		Theo mức tiền công thực tế (theo quy định) và số lượng theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt
	Chi hoạt động	triệu đồng/ người/năm	20
10.4	Phân bổ đảm bảo các nhiệm vụ chi đặc thù của cấp ủy, HĐND, UBND các xã, phường	triệu đồng/xã, phường/năm	3.000
10.5	Tiêu chí bổ sung đối với các xã, phường có khoảng cách xa Trung tâm thành phố		
	- Trên 80 km	triệu đồng/xã, phường/năm	1.000
	- Từ trên 60 km - 80 km	triệu đồng/xã, phường/năm	800
	- Từ trên 40 km - 60 km	triệu đồng/xã, phường/năm	600
	- Từ trên 20 km - 40 km	triệu đồng/xã, phường/năm	400
11	Chi hoạt động kinh tế		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	Kiến thiết thị chính, sự nghiệp nông - lâm - ngư nghiệp, sự nghiệp giao thông,... được xác định theo khối lượng công việc, định mức chi tiêu và khả năng cân đối ngân sách.		
12	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		Phân bổ trên cơ sở dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường được Trung ương giao và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương,

Ghi chú:

- Phân bổ kinh phí chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/ND-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ
- Phân bổ chi khác của ngân sách địa phương bằng 1% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 12 của Phụ lục này)
- Các khoản chi khác chưa được cơ cấu trong dự toán theo nhu cầu thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) và theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.
- Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để xây dựng và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách xã, phường. Riêng đối với mức phân bổ cho các nhiệm vụ chi thường xuyên cụ thể của từng xã, phường do Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ vào tình hình thực tế (các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định) tại địa phương, khả năng nguồn thu ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ dự toán cụ thể, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quản lý.